

Số: 188/2022/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 19 tháng 8 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/8/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 với ông Trần Văn K, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**2.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** bà Nguyễn Thị T với ông Trần Văn K tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

**Về con chung:** có 01 người tên Trần Anh K1, sinh ngày 15/6/2006, hiện con đang sống với bà T. Nguyện vọng của em K1 là được sống với bà T sau khi cha mẹ ly hôn. Bà T và ông K tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Anh K1, sinh ngày 15/6/2006.

Ông Trần Văn K được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** bà T và ông K không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

**Về tài sản chung:** bà T và ông K không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**Về nợ chung phải thu, phải trả:** hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0010494, ngày 03/8/2022 do bà T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Ông Trần Văn K không phải chịu án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Tòa án tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Đại Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Nhung**